TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2019/HSST
Ngày: 19-7-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Danh Đại Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngũ Minh Luận;

Ông Nguyễn Đức Nhuận.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh, Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 145/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

Lương Minh S, sinh năm: 1964 tại tỉnh T; nơi ĐKHKTT: Thôn Nghĩa P, xã H, huyện H, tỉnh T; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 10/10; nghề nghiệp: Làm rẫy; con ông Lương Khắc O, sinh năm 1930 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1929; có vợ Lê Thị H, sinh năm 1974 và có 02 con; tiền án: 02 tiền án:

- Ngày 27/9/2013, Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 149, chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/11/2015.

- Ngày 25/4/2017, Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh B xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 40, chấp hành xong hình phạt ngày 13/4/2018. Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Năm 2002 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tại bản án số 115/HSST ngày 12/7/2002 ;

- Năm 2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 113/HSST ngày 07/12/2007.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/02/2019 đến nay . Bị cáo có mặt.

- *Bị hại*: Bà Đinh Thị T, sinh năm 1992; trú tại: Số 284 khu phố N, phường L, thị xã T, tỉnh B. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Hồ Thị Lan H, sinh năm 1974; trú tại: Tổ dân phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Lê N, sinh năm 1975; trú tại: 21B/9 Nguyễn Đình C, phường Đ, Quận1, Thành phố H. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Trần Nhựt T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 16/02/2019, Lương Minh S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade gắn biển số 59T1-958.79 đi tìm tài sản sơ hở để chiếm đoạt. Khi đi đến Cửa hàng quần áo Ly Ly thuộc địa chỉ số 284 khu phố N, phường L, thị xã T do bà Đinh Thị T làm chủ, thấy bà T đang ngủ và tại cửa hàng quần áo không có người trông coi nên Suyền đi vào bên trong thì nhìn thấy kế bên quầy tính tiền có một điện thoại Iphone 6S Plus 128G màu hồng đang sạc pin, Suyền lấy điện thoại cho vào túi quần bên trái rồi quay ra thì bị bà T phát hiện truy hô bắt giữ cùng tang vật giao cho Công an phường L xử lý.

Tang vật thu giữ: 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus 128G màu hồng; 01 xe môtô biển số 59T1-958.79.

Theo Bản kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Thuận An ngày 25/02/2019 kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus 128G màu hồng trị giá 6.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 164/CT-VKS-TA ngày 10/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo: Lương Minh S về tội "Trộm cắp tài sản'' theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lương Minh S từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì nên không đề cập.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với vật chứng thu giữ là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade gắn biển số 59T1-958.79, qua xác minh số khung, số máy xác định do bà Hồ Thị Lan H, sinh năm 1974, HKTT: Tổ dân phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đ đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe nhưng xe mang biển số 47B1-787.27. Qua làm việc với bà Hồ Thị Lan H xác định trước đây có đứng tên chủ sở hữu chiếc xe mô tô trên nhưng đã bán cho người khác không rõ địa chỉ, không làm thủ tục sang tên theo quy định. Do đã bán xe nên bà Hương không yêu cầu gì đối với chiếc xe bị thu giữ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã thông báo truy tìm chủ sở hữu, đến nay chưa có ai liên hệ nhận xe nên đề nghị tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade có số khung RLHJF4613EY053505; số máy: JF46E2078060.

- Đối với biển số xe 59T1-958.79 qua tra cứu xác định chủ sở hữu là ông Nguyễn Lê N, ngụ địa chỉ 21B/9, N, phường Đ, Quận 1, thành phố H, thể hiện loại xe Honda Dream II màu nâu, số máy: C100MNE0143503, số khung: C100MN0143503. Qua làm việc với ông Nguyễn Lê N, ông N khai có sở hữu chiếc xe nhãn hiệu Honda Dream II màu nâu gắn biển số 59T1-958.79 và vẫn đang sử dụng chiếc xe trên nên cần tịch thu tiêu hủy biển số xe 59T1-958.79.

Tuy nhiên, tại phiên tòa Đại diện Viện Kiểm sát thay đổi ý kiến đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade có số khung RLHJF4613EY053505; số máy: JF46E2078060 đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cho cơ quan điều tra Công an thị xã T, tỉnh B thu thập xử lý.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng, không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Lương Minh S tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án như lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản kiểm tra hành chính, xác định địa điểm, vật chứng thu giữ, kết luận định giá, có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 16/02/2019, tại địa chỉ số 284 khu phố Nguyễn Trãi, phường L, thị xã T, Lương Minh S đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus 128G màu hồng của bà Đinh Thị T, trị giá 6.000.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản.

Theo Bản án số 40/2017/HSPT ngày 25/4/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh B thì bị cáo S đã phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, bị cáo chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật Hình sự và sẽ bị xử lý nhưng vì động cơ tư lợi nên cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả. Bị cáo có nhân thân xấu từng bị Tòa án xử phạt nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tôi. Do đó cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo để có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả cho chủ sở hữu là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Lời đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ, đúng luật, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ thể hiện đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade số khung RLHJF4613EY053505; số máy: JF46E2078060 từ khi điều tra vụ án đến phiên tòa sơ thẩm các cơ quan tiến hành tố tụng chưa xác định được chủ sở hữu vì vậy cần giao cho cơ quan điều tra Công an thị xã T, tỉnh B thu thập xử lý là đúng quy định.

- Tịch thu tiêu hủy biển số xe 59T1-958.79.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Các Điều 106, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lương Minh S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Lương Minh S 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16-02-2019.

2. Về xử lý vật chứng:

Giao cho cơ quan điều tra Công an thị xã T, tỉnh B 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade số khung RLHJF4613EY053505; số máy: JF46E2078060 để thu thập xử lý theo quy định.

- Tịch thu tiêu hủy biển số xe 59T1-958.79.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27-5-2019 giữa Công an thị xã Thuận An và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An).

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Công an thị xã Thuận An;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

Danh Đại Thắng